

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế quản trị tài sản trí tuệ của Trường Đại học Công nghệ Thông tin

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ, số 29/2013/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 134/2006/QĐ-TTg, ngày 08 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Thông tin thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 530/QĐ-ĐHQG-TCCB, ngày 03 tháng 7 năm 2006 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghệ Thông tin;

Căn cứ Quyết định số 84/QĐ-ĐHQG ngày 06/02/2015 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế quản trị tài sản trí tuệ trong Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-ĐHCNTT-ĐTSDH-KHCN&QHĐN ngày 06/7/2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin về việc ban hành Quy chế tạm thời về Quản trị Tài sản Trí tuệ của Trường Đại học Công nghệ Thông tin;

Xét đề nghị của Trưởng phòng ĐTSDH&KHCN,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế quản trị tài sản trí tuệ của Trường Đại học Công nghệ Thông tin.

Điều 2. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 58/QĐ-ĐHCNTT-ĐTSDH-KHCN&QHĐN ngày 06 tháng 7 năm 2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng các phòng ban chức năng, Trưởng các khoa/bộ môn, các nhà khoa học đã và đang tham gia nghiên cứu khoa học công nghệ tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban KH&CN, ĐHQG-HCM (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHCN.



Dinh Đức Anh Vũ

QUY CHẾ QUẢN TRỊ TÀI SẢN TRÍ TUỆ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/QĐ-ĐHCNTT-KHCN ngày 25 tháng 02 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin)*

CHƯƠNG 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích và nguyên tắc xây dựng quy chế

1. Quy chế Quản trị Tài sản Trí tuệ (sau đây gọi tắt là Quy chế) bao gồm các quy định liên quan đến hoạt động sở hữu trí tuệ (SHTT) tại trường Đại học Công nghệ Thông tin (sau đây gọi tắt là Trường), nhằm cụ thể hoá vấn đề Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường đối với các vấn đề liên quan đến tài sản trí tuệ (TSTT) trong các mối quan hệ nội bộ của Trường, giữa Trường với cơ quan chủ quản và các đơn vị hợp tác có liên quan khác theo tinh thần tuân thủ pháp luật SHTT, khuyến khích hoạt động sáng kiến đổi mới, tinh thần nghiên cứu khoa học của tập thể người lao động (bao gồm cán bộ công chức, viên chức, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh, cộng tác viên thuộc/với trường). Đồng thời khuyến khích hoạt động chuyển giao công nghệ, phát triển mối quan hệ hợp tác bền vững giữa Trường với các đối tác khác trong và ngoài nước.

2. Quy chế được biên soạn căn cứ trên quy chế quản trị tài sản trí tuệ trong Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) đã ban hành theo quy định của Nhà nước và cả nội dung liên quan khác do đặc thù của Trường mà Nhà nước hay ĐHQG-HCM chưa có quy định trong phạm vi liên quan đến các TSTT tại Trường.

3. Quy chế được thảo luận dân chủ, công khai trong Trường. Các quyết định cuối cùng phải thông qua Ban Giám hiệu trường, gửi ĐHQG-HCM để báo cáo.

4. Thực hiện Quy chế dân chủ và công khai trong Trường.

Điều 2. Cơ sở pháp lý xây dựng quy chế

1. Bộ Luật Dân sự Việt Nam, Bộ Luật Lao động Việt Nam, Luật Khoa học Công nghệ (KHCN) Việt Nam và các luật có liên quan;

2. Luật SHTT Việt Nam và các Điều ước quốc tế về SHTT mà Việt Nam là thành viên;

3. Quyết định số 134/2006/QĐ-TTg ngày 08 tháng 06 năm 2012 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Thông tin thuộc ĐHQG-HCM;

4. Quyết định số 530/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 03 tháng 7 năm 2006 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghệ Thông tin thuộc ĐHQG-HCM;

5. Quyết định số 84/QĐ-ĐHQG ngày 06 tháng 2 năm 2015 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế quản trị TSTT trong ĐHQG-HCM.

Điều 3. Phạm vi xây dựng quy chế

Quy chế thiết lập một khung ứng xử chung tại Trường liên quan đến việc nhận diện các TSTT phát sinh, xác lập quyền SHTT, tổ chức quản lý và khai thác các TSTT tại Trường (bao gồm TSTT của Trường và TSTT khác mà Trường sử dụng).

Các quy định trong Quy chế này gồm: xác lập quyền SHTT; quản lý, khai thác, sử dụng và phân bổ lợi ích mang lại từ hoạt động SHTT; quyền tác giả và quyền liên quan đến tác giả; quyền sở hữu công nghiệp và chuyển giao công nghệ.

Điều 4. Đối tượng áp dụng

Các cá nhân, đơn vị trực thuộc Trường, các cá nhân, tổ chức không trực thuộc Trường nhưng có tham gia hợp tác với Trường trong quá trình tạo ra, hoặc khai thác, sử dụng TSTT thuộc quyền của Trường, gồm:

- Tất cả cán bộ công chức, viên chức, nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên, cộng tác viên làm việc tại/với Trường (sau đây gọi tắt là cá nhân thuộc Trường.)
- Tất cả các Phòng, Khoa, Bộ môn, Trung tâm, Phòng thí nghiệm, tổ chức khác và tổ chức Đoàn thể có liên quan trực thuộc Trường (sau đây gọi tắt là tổ chức thuộc Trường.)
- Các chủ thể khác trong và ngoài nước có quan hệ hợp tác liên quan đến hoạt động SHTT của Trường thông qua giao kết hợp đồng sản xuất, thương mại hoặc dịch vụ bao gồm nhưng không giới hạn ở hợp đồng nghiên cứu khoa học, hợp đồng phát triển công nghệ, hợp đồng mua bán/chuyển nhượng TSTT, hợp đồng li-xăng/chuyển giao công nghệ, hợp đồng triển khai dự án, hợp đồng đào tạo, tư vấn, ... Trừ trường hợp các giao kết hợp đồng này có thỏa thuận khác.

Điều 5. Giải thích từ ngữ

Trong phạm vi điều chỉnh của Quy chế này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- **Tài sản trí tuệ:** là tất cả các sản phẩm trí tuệ có thể được sở hữu hợp pháp thông qua hoạt động sáng tạo, đầu tư để sáng tạo, mua lại, nhận chuyển giao hoặc được biểu, tặng, bao gồm các đối tượng SHTT, các quyền SHTT đã xác lập và các TSTT khác.
- **Các đối tượng SHTT:** là các đối tượng được định nghĩa tại Điều 3 của Luật SHTT Việt Nam, bao gồm:
 - Các tác phẩm văn học, tác phẩm khoa học, tác phẩm nghệ thuật;
 - Các cuộc biểu diễn, bản ghi âm, bản ghi hình, chương trình phát sóng và tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa;
 - Các sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bí mật kinh doanh, nhãn hiệu, tên thương mại (thương hiệu) và chỉ dẫn địa lý;

Trong thực tiễn nghiên cứu, cung ứng dịch vụ của Trường, tất cả các đối tượng nêu trên đều có thể phát sinh và trở thành tài sản của chính Trường và/hoặc các bên có liên quan.

- **Quyền SHTT:** là tất cả những quyền đã được xác lập theo pháp luật SHTT Việt

Nam đối với các đối tượng SHTT, bao gồm: quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.

➤ **Các tài sản trí tuệ khác:** bao gồm nhưng không giới hạn ở: các sáng kiến, thông tin, dữ liệu, quy trình tác nghiệp,... không thỏa điều kiện bảo hộ độc quyền SHTT.

➤ **Thông tin mật của Trường:** là các bí mật kinh doanh, các thông tin không tiết lộ được xác định theo Quy chế Bảo mật của Trường.

➤ **Chủ sở hữu TSTT:** bao gồm chủ sở hữu (CSH) theo quy định của pháp luật dân sự và người có quyền đứng tên đăng ký xác lập quyền SHTT theo quy định của pháp luật SHTT.

➤ **Giảng viên:** bao gồm giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng.

➤ **Cộng tác viên:** là cá nhân hợp tác với Trường theo vụ việc hoặc theo hợp đồng nhưng không hưởng chế độ bảo hiểm xã hội tại Trường, bao gồm nhưng không giới hạn ở cán bộ danh dự, nhân viên phụ tá, nhân viên thời vụ đến tham gia giảng dạy, làm việc, khảo sát, ... tại Trường.

➤ **Nhiệm vụ được giao:** là nhiệm vụ được xác định theo:

- Chức danh của các cá nhân thuộc Trường trong các quy định liên quan về tổ chức và bộ máy của Trường; hoặc

- Xác định trong hợp đồng liên quan cá nhân, tổ chức trực thuộc Trường; hoặc

- Theo một mệnh lệnh rõ ràng của cấp quản lý đối với cá nhân hay đơn vị cấp dưới nhằm triển khai công việc thuộc chức năng hoạt động của Trường.

➤ **Nguồn lực của Trường:** được hiểu là bao gồm nhưng không giới hạn ở: thời gian lao động tại Trường, các nguồn lực tài chính của Trường hay được đầu tư thông qua Trường, các cơ sở vật chất kỹ thuật, máy móc, trang thiết bị của Trường, nguồn thông tin, tư liệu, dữ liệu, dữ kiện của Trường.

CHƯƠNG 2

QUYỀN SỞ HỮU ĐỐI VỚI CÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Điều 6. Trường là chủ sở hữu

Trường là chủ sở hữu (CSH) đối với các TSTT sau đây:

1. Được tạo ra bởi cá nhân hoặc tổ chức thuộc Trường theo nhiệm vụ được giao, trừ khi giữa Trường và chủ thể được giao nhiệm vụ có thỏa thuận khác;
2. Được tạo ra trong quá trình thực hiện hợp đồng do Trường đặt hàng với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Trường, trừ khi hợp đồng liên quan có quy định khác;
3. Được tạo ra trong quá trình thực hiện, triển khai các hợp đồng được ký kết giữa Trường với các cá nhân, tổ chức khác, trong đó, có quy định các TSTT phát sinh là thuộc về Trường;
4. Được Bộ Khoa học và Công nghệ, ĐHQG-HCM, các Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị khác liên quan có thẩm quyền chỉ định, phân cấp hoặc chuyển giao cho Trường đứng tên sở hữu;
5. Được chủ thể khác chuyển nhượng hoặc biếu, tặng cho Trường;
6. Tên thương mại, lô-gô, mẫu văn bằng, mẫu chứng chỉ của Trường;
7. Ngân hàng đề thi do Trường tổ chức và xây dựng.

Điều 7. Trường là đồng chủ sở hữu

Trường là đồng chủ sở hữu (với một hoặc nhiều chủ thể khác) đối với các TSTT sau đây:

1. Được tạo ra bởi cá nhân hoặc tổ chức thuộc Trường không theo nhiệm vụ được giao nhưng chủ yếu bằng nguồn lực của Trường, trừ khi giữa Trường và chủ thể liên quan có thỏa thuận khác;
2. Được tạo ra bởi cá nhân hoặc tổ chức thuộc Trường không theo nhiệm vụ được giao và không sử dụng nguồn lực của Trường, nhưng xuất phát từ một hoặc một số TSTT thuộc danh mục Thông tin mật của Trường mà cá nhân hoặc tổ chức đó đã được phép tiếp cận một cách hợp pháp, trừ khi giữa Trường và chủ thể liên quan có thỏa thuận khác;
3. Được tạo ra trong quá trình hợp tác nghiên cứu, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh, với các đối tác khác, trừ khi hợp đồng liên quan có qui định khác;
4. Được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng tài trợ, trong đó, Trường là bên tài trợ hoặc bên nhận tài trợ, trừ khi hợp đồng liên quan có qui định khác.

Việc xác định tỷ lệ sở hữu trong từng trường hợp thuộc Điều 7 này sẽ do các bên có liên quan thỏa thuận cụ thể bằng văn bản hoặc trong hợp đồng giao kết tương ứng, dựa theo tỷ lệ đóng góp của mỗi bên về nhân lực, vật lực, tài lực hoặc thông tin trên cơ sở hợp tác bền vững và các bên cùng có lợi.

Trong trường hợp một đồng chủ sở hữu (CSH) có nhu cầu chuyển nhượng phần quyền sở hữu của mình, chủ sở hữu của phần quyền muốn chuyển nhượng đó sẽ ưu tiên chuyển nhượng cho các đồng CSH khác theo các điều kiện thương mại hợp lý.

Điều 8. Trường không phải là CSH hoặc đồng CSH

Trường không phải là CSH hoặc đồng CSH đối với các TSTT sau đây:

1. Được tạo ra bởi cá nhân hoặc tổ chức thuộc Trường và có giá trị trong các mặt hoạt động của Trường nhưng không theo nhiệm vụ được giao, không sử dụng nguồn lực của Trường và cũng không xuất phát từ một hoặc một số TSTT thuộc danh mục Thông tin mật của Trường;

2. Được tạo ra bởi cá nhân hoặc tổ chức thuộc Trường trong quá trình tham gia hưởng ứng các hoạt động của các đoàn thể nhưng không sử dụng nguồn lực của Trường hoặc nhằm phục vụ các sinh hoạt cộng đồng;

3. Được tạo ra bởi cá nhân thuộc Trường trong quá trình đăng ký thực hiện sáng kiến kinh nghiệm của mình và không sử dụng nguồn lực của Trường;

4. Được tạo ra trong quá trình triển khai các hợp đồng ký kết giữa Trường với một hoặc một số đối tác khác, trong đó, có quy định các TSTT phát sinh là thuộc về các bên đối tác.

Trường có chế độ khen thưởng thích hợp đối với cá nhân, tổ chức tạo ra các TSTT đề cập tại các Khoản 1, 2, 3 của Điều này và sẽ hướng dẫn, hỗ trợ các tác giả, đồng tác giả trong việc xác lập quyền SHTT của họ. Trường có thể khuyến khích họ chuyển nhượng lại các TSTT đó cho Trường theo các điều kiện thương mại hợp lý.

Điều 9. Các quy định chi tiết liên quan đến quyền sở hữu đối với các tác phẩm

Quyền sở hữu đối với tác phẩm và các quyền liên quan đến tác phẩm tuân thủ theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Luật SHTT.

1. Quyền sở hữu đối với các tác phẩm trong hoạt động công vụ: Trường là CSH đối với các tác phẩm được tạo ra do các cá nhân, tổ chức thuộc Trường và các cá nhân, tổ chức không thuộc Trường nhưng tham gia hợp tác với Trường tạo ra các tác phẩm từ các yếu tố sau:

a. Sử dụng nguồn ngân sách nhà nước hoặc nguồn kinh phí hợp tác bên ngoài thông qua Trường hoặc từ kinh phí hoạt động của Trường;

b. Sử dụng nguồn lực của Trường;

c. Trong các hoạt động công vụ;

d. Theo hợp đồng ký kết với Trường, ngoại trừ trường hợp hợp đồng có thỏa thuận/ giao kết khác;

e. Các tác phẩm được tạo ra trong quá trình công tác theo hợp đồng làm việc với cộng tác viên có sử dụng nguồn lực của Trường, trừ trường hợp hợp đồng làm việc có thỏa thuận/ giao kết khác.

2. Trường là đồng chủ sở hữu đối với các tác phẩm và các đối tượng quyền liên quan được tạo ra trong quá trình hợp tác nghiên cứu, hợp tác đầu tư, hợp tác triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học, ... với các đối tác liên quan.

Phương thức xác định tỷ lệ sở hữu trong từng trường hợp sẽ do các bên quy định cụ thể trong các hợp đồng tương ứng, dựa theo tỷ lệ đóng góp của mỗi bên về nguồn lực, trên cơ sở hợp tác lâu dài, bền vững và các bên cùng có lợi.

3. Quyền đối với các tác phẩm và các đối tượng quyền liên quan sau đây không thuộc quyền sở hữu của Trường:

a. Do cá nhân, tổ chức thuộc Trường tạo ra trong quá trình tham gia các hoạt

động đoàn thể hoặc các hoạt động sinh hoạt cộng đồng không sử dụng nguồn lực của Trường;

b. Do cá nhân, tổ chức thuộc Trường tạo ra không thuộc phạm vi hoạt động công vụ và không sử dụng nguồn lực của Trường;

Các tác giả, đồng tác giả và các bên liên quan tự xem xét và thỏa thuận về việc xác lập quyền sở hữu, tỷ lệ sở hữu đối với các tác phẩm quy định tại Khoản 3 Điều này.

4. Quyền tài sản đối với tác phẩm theo quy định tại Điều 20 của Luật SHTT, bao gồm: quyền làm tác phẩm phái sinh; quyền biểu diễn tác phẩm trước công chúng; quyền sao chép tác phẩm; quyền phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm; quyền truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác; quyền cho thuê bản gốc hoặc bản sao của chương trình máy tính, tác phẩm điện ảnh.

5. Quyền nhân thân của tác giả, đồng tác giả của tác phẩm theo quy định tại Điều 19 của Luật SHTT bao gồm: quyền đặt tên cho tác phẩm; quyền đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm, quyền được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố hoặc sử dụng; quyền công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm; quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả. Trong đó chỉ có quyền công bố tác phẩm là có thể chuyển giao cho chủ thể khác.

6. Trường là CSH đối với các tác phẩm được đề cập tại Điều 6 được hiểu là Trường là chủ sở hữu đối với tất cả các quyền tài sản của tác phẩm và các tác giả, đồng tác giả liên quan có nghĩa vụ chuyển giao quyền công bố của tác phẩm tương ứng về cho Trường, trừ khi giữa Trường và các tác giả, đồng tác giả có thỏa thuận khác.

7. Trong trường hợp Trường hoặc một số chủ thể khác là đồng CSH đối với tác phẩm, các đồng CSH sẽ cùng thỏa thuận cụ thể về cách thức phân định quyền sở hữu đối với từng loại quyền tài sản nêu tại Khoản 4 của Điều này, về việc tiếp nhận và sử dụng quyền công bố tác phẩm tương ứng nêu tại Khoản 5 của Điều này do các tác giả, đồng tác giả liên quan chuyển giao.

8. Các trường hợp khác: trong trường hợp TSTT do cá nhân thuộc Trường tạo ra theo quy định tại Khoản 1 của Điều 8 là ***một tác phẩm phái sinh từ các tác phẩm thuộc sở hữu của Trường***, các tác giả và đồng tác giả phải thông báo cho Trường về việc xuất hiện tác phẩm phái sinh này và phải nhận được sự đồng ý của Trường bằng văn bản trước khi công bố và khẳng định quyền sở hữu của họ đối với tác phẩm phái sinh đó, trừ khi pháp luật SHTT có quy định khác.

Điều 10. Các quy định chi tiết liên quan đến quyền sở hữu đối với các đối tượng quyền liên quan, tên thương mại, lô - gô

1. Các đối tượng quyền liên quan thường phát sinh nhất trong các mặt hoạt động của Trường như băng đĩa, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng của các hoạt động giảng dạy tại Trường.

2. Trong trường hợp TSTT do cá nhân thuộc Trường tạo ra theo quy định tại Khoản 1 của Điều 8, là một đối tượng quyền liên quan xuất phát từ một tác phẩm hoặc một quyền liên quan thuộc sở hữu của trường và không thuộc trường hợp phải xin phép trước CSH tác phẩm hay sở hữu quyền liên quan theo quy định của pháp luật

SHTT. Các tác giả và đồng tác giả phải thông báo cho Trường về việc xuất hiện của đối tượng quyền liên quan này và phải nhận được sự đồng ý của Trường bằng văn bản trước khi đưa quyền liên quan đó vào hoạt động thương mại.

3. Việc thể hiện tên thương mại, thương hiệu và lô –gô của Trường trên tất cả các ấn phẩm truyền thông và giấy tờ giao dịch của Tổ chức thuộc Trường phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn tương ứng của Trường về việc hướng dẫn sử dụng Thương hiệu, lô-gô và Nhãn hiệu của Trường;

4. Trường có thể đồng ý cho các đối tác sử dụng hoặc công bố Tên Thương mại, Thương hiệu, Lô-gô và (các) nhãn hiệu khác của Trường trong các tài liệu truyền thông của họ, với điều kiện phải thông báo trước về mục đích sử dụng và nhận được sự chấp nhận của Trường bằng văn bản hoặc thỏa thuận trong hợp đồng có liên quan.

Điều 11. Các quy định chi tiết liên quan đến quyền sở hữu các sáng chế công nghiệp, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí

1. Các sáng chế công nghiệp, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí thường phát sinh nhất trong các mặt hoạt động khác nhau của Trường bao gồm nhưng không giới hạn ở mô hình, giáo cụ, đồ dùng dạy học, các đề tài KHCN, dự án KHCN.

2. Quyền nhân thân của tác giả sáng chế gồm có:

- Được ghi tên là tác giả trong bằng độc quyền sáng chế, bằng độc quyền giải pháp hữu ích.

- Được nêu tên là tác giả trong các tài liệu công bố, giới thiệu về sáng chế.

3. Quyền tài sản của tác giả là quyền nhận thù lao theo quy định.

4. Việc Trường là CSH đối với các TTST được tạo ra từ Khoản 1 của Điều này và theo Điều 6 được hiểu là Trường là chủ sở hữu đối với các tất cả các quyền tài sản đối với các TSTT này và các tác giả, đồng tác giả liên quan có nghĩa vụ chuyển giao quyền sử dụng và các quyền có liên quan khác đối với sáng chế công nghiệp, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí tương ứng về cho Trường, trừ khi giữa Trường và các tác giả, đồng tác giả liên quan có thỏa thuận khác.

5. Trong trường hợp Trường hoặc một số chủ thể khác là đồng CSH đối với các TTST được tạo ra từ Khoản 1 của Điều này, các đồng CSH sẽ cùng thỏa thuận cụ thể về cách thức phân định quyền sở hữu đối với từng loại quyền tài sản nêu tại Khoản 4 của Điều 9 và Khoản 4 của Điều này.

6. Trong trường hợp sáng chế công nghiệp, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí do cán bộ, giảng viên, sinh viên hoặc cộng tác viên tạo ra theo quy định tại Điều 6 và 7, việc sử dụng không nhằm mục đích giảng dạy và nghiên cứu khoa học phải được sự đồng ý bằng văn bản của Trường.

Điều 12. Các quy định chi tiết liên quan đến quyền sở hữu đối tượng có liên quan

1. Các đối tượng khác có liên quan thường phát sinh nhất trong các hoạt động khác của Trường là: bài báo, tham luận, đề tài, dự án của các tác giả không được tạo ra theo quy định ở Điều 6 và 7, các băng đĩa ghi hình về bài giảng của giảng viên, các chương trình phát sóng giới thiệu về trường, ...

2. Trong trường hợp các TSTT của cá nhân thuộc Trường tạo ra theo Điều 8 là một đối tượng liên quan phát sinh từ các tác phẩm hoặc các kiểu dáng, sáng chế công nghiệp, thiết kế bố trí hoặc một quyền liên quan thuộc Trường và không thuộc

trường hợp phải xin phép trước CSH theo quy định của luật SHTT, các tác giả phải thông báo với Trường về sự xuất hiện các đối tượng liên quan này và phải được sự đồng ý của Trường bằng văn bản.

Điều 13. Quyền sở hữu trí tuệ của giảng viên

1. Trừ khi giữa Trường với giảng viên có thỏa thuận khác, mọi giáo trình, đề cương chi tiết trong giáo trình, phần mềm, giáo cụ, sáng chế, giải pháp hữu ích do giảng viên biên soạn, thiết kế, sáng tạo ... để phục vụ giảng dạy, nghiên cứu và sản xuất theo các hướng dẫn hoặc theo yêu cầu của Trường đều thuộc về giảng viên, trừ các trường hợp được đề cập tại Khoản 2 của Điều này. Giảng viên đồng ý cho phép Trường sử dụng các giáo trình, đề cương chi tiết, phần mềm, giáo cụ ... này trong và chỉ trong phạm vi hoạt động nghiên cứu khoa học tại các cơ sở đào tạo của Trường.

2. Các giáo trình, đề cương trong giáo trình, phần mềm, giáo cụ, sáng chế, giải pháp hữu ích do giảng viên biên soạn, thiết kế, sáng tạo ... được Trường đầu tư hoặc tài trợ để giảng viên biên soạn, thiết kế, sáng tạo... (dưới hình thức nghiên cứu khoa học hoặc nhiệm vụ được giao) nhằm phục vụ việc giảng dạy, nghiên cứu và sản xuất sẽ thuộc quyền sở hữu chung của Trường và giảng viên liên quan, trừ khi giữa Trường và giảng viên liên quan có thỏa thuận khác.

Điều 14. Quyền sở hữu trí tuệ của sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh (gọi chung là sinh viên)

1. Các TSTT phát sinh trong quá trình học tập, nghiên cứu của sinh viên, được thể hiện qua các bài tập, đồ án môn học, khóa luận tốt nghiệp, luận văn, luận án đều thuộc về sinh viên, trừ các trường hợp được đề cập tại Khoản 2 của Điều này.

2. Trong trường hợp các TSTT của quá trình học tập, nghiên cứu được tạo ra chủ yếu thông qua việc sử dụng các nguồn lực của Trường, hoặc có sự đầu tư của Trường, hoặc có sự đầu tư hay hỗ trợ đáng kể của giảng viên, thì Trường, giảng viên và sinh viên liên quan sẽ cùng xác định quyền sở hữu đối với TSTT phát sinh bằng văn bản.

CHƯƠNG 3

TÁC GIẢ, ĐỒNG TÁC GIẢ CỦA CÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Điều 15. Quy định về tác giả và đồng tác giả

1. Xác định tác giả và đồng tác giả

Một cá nhân được ghi nhận là tác giả hoặc đồng tác giả của một TSTT nếu có tham gia vào việc sáng tạo ra TSTT tương ứng. Cá nhân được xem là “có tham gia vào việc sáng tạo” khi phần việc do người đó thực hiện không nảy sinh một cách hiển nhiên hoặc dễ dàng đối với các thành viên tham gia thực hiện đề tài, dự án, công trình, khâu công việc mà từ đó, TSTT liên quan được tạo ra.

2. Quyền nhân thân của tác giả và đồng tác giả

Các tác giả hoặc đồng tác giả của TSTT được hưởng các quyền nhân thân theo quy định của Luật SHTT, pháp luật dân sự và pháp luật liên quan, trừ khi có quy định phải chuyển giao một quyền nhân thân nào đó cho các chủ thể khác theo quy định tại Quy chế hoặc theo hợp đồng liên quan mà họ đã giao kết.

3. Quyền tài sản của tác giả và đồng tác giả

Các tác giả và đồng tác giả được hưởng quyền tài sản theo quy định tương ứng của Luật SHTT hoặc theo các qui định về trả thù lao, nhuận bút, tiền khen thưởng sáng kiến đổi mới ... của Trường hay của chủ thể có liên quan, hoặc theo các giao kết trong hợp đồng mà họ đã ký kết.

4. Xác định tỷ lệ góp vốn

Trong trường hợp TSTT được tạo ra bởi nhiều đồng tác giả, các đồng tác giả có nghĩa vụ cùng xem xét và thỏa thuận về tỷ lệ đóng góp của mỗi người trong quá trình sáng tạo. Nếu không có sự thỏa thuận rõ ràng về tỷ lệ đóng góp thì các quyền tài sản và quyền nhân thân liên quan được xem như phân đều giữa các đồng tác giả.

5. Tác giả và đồng tác giả là sinh viên

Tác giả và đồng tác giả là sinh viên được đối xử bình đẳng với các cán bộ công chức, viên chức hoặc cộng tác viên trong quá trình cùng tham gia sáng tạo ra các TSTT.

CHƯƠNG 4

CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Điều 16. Tổ Quản trị TSTT

Tổ Quản trị TSTT là bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động SHTT tại Trường, trực thuộc Phòng Đào tạo Sau đại học - Khoa học công nghệ. Tổ trưởng chịu trách nhiệm về mọi mặt hoạt động của Tổ trước Trường phòng. Các tổ viên hoạt động chuyên trách hoặc kiêm nhiệm tùy theo khối lượng công việc thực tế nảy sinh trong từng giai đoạn và chịu trách nhiệm trực tiếp với Tổ trưởng.

Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổ Quản trị tài sản trí tuệ :

1. Tổ chức hoạt động theo dõi và nhận diện khả năng phát sinh của các loại TSTT khác nhau trong mọi quy trình hoạt động của Trường.
2. Lập hồ sơ thống kê, theo dõi các TSTT thuộc quyền sở hữu của Trường và các TSTT khác có liên quan đến Trường.
3. Xác định giá trị TSTT khi mới hình thành.
4. Triển khai thực hiện các văn bản pháp lý về SHTT của Nhà nước, của ĐHQG-HCM và của Trường. Báo cáo Ban Giám hiệu kết quả hoạt động sáng tạo sản phẩm trí tuệ, hoạt động triển khai ứng dụng, khai thác TSTT.
5. Căn cứ vào Quy chế và pháp luật có liên quan để xác định cụ thể về: CSH, tỷ lệ sở hữu của mỗi đồng chủ sở hữu, tác giả và đồng tác giả, tỷ lệ đóng góp của mỗi đồng tác giả ... đối với các TSTT. Sau đó, thông báo và trao đổi thống nhất bằng văn bản với các tổ chức thuộc Trường và các tác giả, đồng tác giả có liên quan.
6. Xác định cụ thể các điều kiện, phương thức, thời điểm... tiết lộ hoặc công bố các TSTT và thông báo bằng văn bản đến các tổ chức thuộc Trường, tác giả, đồng tác giả có liên quan;
7. Xúc tiến các thủ tục, hồ sơ cần thiết để xác lập quyền sở hữu đối với các TSTT thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của Trường;
8. Tham mưu cho Hiệu trưởng các phương án quản lý và khai thác có hiệu quả các TSTT, chính sách khen thưởng và cơ chế xử lý vi phạm về SHTT trong các mặt hoạt động của Trường;
9. Xây dựng các phương pháp, quy trình, thủ tục, biểu mẫu quản lý và khai thác các TSTT, khen thưởng và xử lý vi phạm về SHTT, trình Hiệu trưởng ban hành để thực hiện;
10. Phối hợp với lãnh đạo các tổ chức thuộc Trường triển khai Quy Chế cùng các quy định có liên quan;
11. Kiểm tra việc tuân thủ Quy Chế và pháp luật SHTT trong các mặt hoạt động khác nhau của Trường;
12. Hỗ trợ và tổ chức hòa giải ban đầu các tranh chấp hoặc xung đột liên quan đến quyền SHTT trong các mối quan hệ thuộc phạm vi hoạt động của Trường;
13. Định kỳ tổ chức việc rà soát, đánh giá, định giá các TSTT thuộc danh mục hiện hữu nhằm khai thác, sử dụng có hiệu quả các TSTT tại Trường.

14. Hướng dẫn và hỗ trợ các cá nhân, tổ chức thuộc Trường trong việc xúc tiến các thủ tục hoặc sử dụng các dịch vụ xác lập quyền và bảo vệ quyền SHTT đối với các TSTT thuộc quyền sở hữu của họ;

15. Xây dựng kế hoạch hoạt động quản trị TSTT hàng năm và dự toán kinh phí liên quan trình Hiệu trưởng phê duyệt và triển khai thực hiện.

Điều 18. Nhiệm vụ của các tổ chức thuộc Trường

Trường các tổ chức thuộc Trường có trách nhiệm phối hợp cùng Tổ Quản trị TSTT để:

1. Phòng chống việc sử dụng không được phép quyền SHTT của các chủ thể khác trong mọi mặt hoạt động thuộc phạm vi quản lý của mình. Trong trường hợp vi phạm, tổ chức liên quan phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và gánh chịu mọi thiệt hại có thể phát sinh cho Trường;

2. Phổ biến Quy Chế cùng các quy định có liên quan đến mọi cán bộ, nhân viên, và cộng tác viên trực thuộc;

3. Yêu cầu các cá nhân thuộc Trường tiến hành hoạt động khai báo các TSTT mới phát sinh trong phạm vi nhiệm vụ được Trường giao, theo các thủ tục, biểu mẫu đã được ban hành và theo các hướng dẫn liên quan của quản trị viên TSTT;

4. Đầu tư phát triển các TSTT của riêng các tổ chức thuộc Trường bằng nguồn lực tự có hoặc thông qua các mối quan hệ với các đối tác.

5. Xúc tiến việc khai thác giá trị của các TSTT do tổ chức thuộc Trường tạo ra hoặc tham gia tạo ra cho Trường, cũng như các TSTT do tổ chức thuộc Trường tự tạo lập;

6. Ban hành các hướng dẫn cụ thể hoá Quy chế để trình Hiệu trưởng phê duyệt và ban hành.

Điều 19. Nhiệm vụ và quyền lợi của cá nhân thuộc Trường

1. Được quyền tiếp cận, sử dụng các TSTT của trường vào nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

2. Được quyền hưởng lợi từ việc khai thác TSTT của trường mà mình là tác giả hoặc đồng tác giả trừ trường hợp có thỏa thuận riêng.

3. Trong trường hợp TSTT do cá nhân thuộc Trường tạo ra phụ thuộc vào một hoặc nhiều TSTT của Trường nhưng không nhằm mục đích giảng dạy và nghiên cứu khoa học, việc sử dụng phải được sự đồng ý bằng văn bản của Trường.

4. Được tôn trọng quyền nhân thân đối với TSTT của mình khi không còn công tác tại Trường.

5. Tuyệt đối không tiết lộ, chuyển giao các TSTT của Trường khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trường.

6. Không sử dụng các quyền SHTT của các chủ thể khác trong mọi mặt hoạt động của Trường nếu chưa được sự đồng ý bằng văn bản của CSH. Trong trường hợp vi phạm, cá nhân thuộc Trường liên quan phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và gánh chịu mọi thiệt hại có thể phát sinh cho Trường;

7. Khai báo kịp thời và đầy đủ về các TSTT mới phát sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao. Tất cả các bản khai báo này được xem là thông tin mật của Trường cho đến khi được Tổ Quản trị TSTT thông báo bằng văn bản về việc có

thể công bố hoặc tiết lộ;

8. Tuân thủ các điều kiện, phương thức, thời điểm... tiết lộ hoặc công bố TSTT mới phát sinh theo thông báo bằng văn bản của Tổ Quản trị TSTT như quy định tại Khoản 3 Điều 17;

9. Thực hiện việc chuyển nhượng quyền đối với các TSTT do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra nhưng thuộc sở hữu của Trường hoặc của các chủ thể khác theo quy định tại Quy Chế.

10. Hỗ trợ các quản trị viên TSTT mô tả các thông tin, dữ liệu cần thiết nhằm xúc tiến các hồ sơ, thủ tục xác lập quyền và khai thác quyền đối với các TSTT do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra và thuộc quyền sở hữu của Trường hoặc của chủ thể có liên quan.

Điều 20. Quy định liên quan đến các đối tác của Trường

1. Khi bắt đầu xúc tiến bất kỳ một giao dịch nào với bất kỳ một đối tác nào có khả năng phát sinh các TSTT, các cá nhân, tổ chức thuộc Trường tham gia vào giao dịch đó phải trao đổi đầy đủ với đối tác liên quan về các vấn đề:

- Quyền sở hữu, quyền khai thác đối với các TSTT có thể phát sinh;
- Nguyên tắc bảo vệ các Thông tin không tiết lộ và các Bí mật kinh doanh của các bên;
- Các vấn đề khác liên quan đến SHTT theo quy định trong Quy chế.

2. Các giao dịch sẽ không được ký kết nếu chưa đạt được các thỏa thuận cụ thể bằng văn bản về việc xử lý các vấn đề liên quan đến TSTT.

CHƯƠNG 5

CÁC QUI ĐỊNH VỀ KHAI THÁC VÀ PHÂN BỐ LỢI ÍCH TỪ TSTT

Điều 21. Các hình thức khai thác tài sản trí tuệ

Việc khai thác TSTT bao gồm nhưng không giới hạn ở các hình thức:

- Công bố TSTT;
- Chuyển nhượng quyền sở hữu TSTT cho chủ thể khác;
- Áp dụng TSTT vào quy trình tác nghiệp, sản xuất, kinh doanh;
- Góp vốn hoặc liên doanh, liên kết bằng TSTT;
- Giao kết hợp đồng li-xăng (cấp quyền sử dụng TSTT) hoặc hợp đồng chuyển giao công nghệ...

Điều 22. Công bố các tài sản trí tuệ

1. Việc công bố các TSTT, đặc biệt là các TSTT mới phát sinh có ý nghĩa quan trọng trong việc chia sẻ tri thức và xúc tiến thương mại hóa các TSTT của Trường, thí dụ như trong các trường hợp: công bố các kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí chuyên ngành hay tại các hội thảo trong và ngoài nước, công bố đơn đăng ký sáng chế hoặc các tác phẩm do cá nhân thuộc Trường sáng tạo ra...

2. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, việc tiết lộ hoặc công bố quá sớm có thể gây ảnh hưởng không thuận lợi cho việc xác lập quyền sở hữu hoặc cơ hội thương mại hóa TSTT liên quan. Do vậy, mọi hành vi tiết lộ hoặc công bố cần được quản trị thống nhất theo các quy định liên quan tại các Điều 17, 18 và 19.

Điều 23. Hoạt động xúc tiến thương mại các TSTT

1. Tổ Quản trị TSTT có trách nhiệm và được toàn quyền chủ động trong việc xúc tiến thương mại các TSTT thuộc quyền hoặc đồng sở hữu của Trường.

2. Tổ Quản trị TSTT tham mưu cho Hiệu trưởng ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng li-xăng, hợp đồng góp vốn, hợp đồng liên doanh/ liên kết bằng TSTT, hợp đồng nghiên cứu để tạo lập các TSTT mới, ...

3. Tổ Quản trị TSTT tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ và được phép giao kết các hợp đồng dịch vụ phục vụ các nhân, tổ chức thuộc Trường trong việc thương mại hóa các TSTT thuộc quyền sở hữu của họ.

Điều 24. Chuyển nhượng quyền SH đối với các TSTT mà Trường không khai thác

1. Trong trường hợp Tổ Quản trị TSTT thông báo không xác lập hoặc từ bỏ quyền sở hữu của Trường đối với một TSTT; cá nhân hoặc tổ chức thuộc Trường đã tạo ra hoặc tham gia tạo ra TSTT đó có thể yêu cầu Trường chuyển nhượng miễn phí lại TSTT đó cho mình.

2. Chủ thể được nhận chuyển nhượng nêu ở Khoản 1 Điều này đồng ý cấp quyền sử dụng không độc quyền cho Trường để sử dụng TSTT liên quan trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Điều 25. Phân bổ thu nhập và lợi nhuận từ việc khai thác các tài sản trí tuệ

Tùy theo loại TSTT khi triển khai ứng dụng hoặc thương mại hóa, sau khi khấu

trừ các chi phí có liên quan như: chi phí ban đầu, chi phí phát sinh khi thực hiện các thủ tục hành chính trong quá trình triển khai ứng dụng hoặc thương mại hóa, ... lợi nhuận được phân chia theo các quy định sau (trừ trường hợp giữa các bên có thỏa thuận khác):

1. Các tác giả và đồng tác giả của các TSTT được hưởng thù lao theo các quy định của Trường liên quan hoặc theo các hợp đồng liên quan mà họ đã giao kết. Với những trường hợp đạt kết quả vượt mức, Tổ Quản trị TSTT sẽ đề xuất Ban Giám hiệu khen thưởng xứng đáng.

2. Đối với TSTT đồng sở hữu, thu nhập hoặc lợi nhuận phát sinh sẽ được phân chia dựa theo tỷ lệ sở hữu của mỗi đồng sở hữu chủ, trừ khi giữa các bên có thỏa thuận khác.

3. Hằng năm, Trường trích một phần lợi nhuận từ các TSTT được thương mại hóa để bảo đảm kinh phí cho kế hoạch hoạt động quản trị TSTT của năm tiếp theo, bao gồm các nội dung:

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật SHTT và kiến thức quản trị TSTT;
- Xây dựng các cơ sở dữ liệu quản trị TSTT và cơ sở dữ liệu thông tin SHTT;
- Đầu tư trang, thiết bị phục vụ hoạt động quản trị TSTT;
- Lập Quỹ Ươm mầm Công nghệ trong Trường;
- Xây dựng các chương trình hỗ trợ hoạt động sáng tạo trong Trường;
- Triển khai các hoạt động khác theo nhiệm vụ và quyền hạn của Tổ Quản trị TSTT.

4. Các vấn đề liên quan đến việc khai thác và phân bổ lợi ích từ hoạt động SHTT được Hiệu trưởng Trường quyết định theo từng trường hợp cụ thể.

CHƯƠNG 6

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành sau kể từ ngày ký, thay thế Quy chế tạm thời về Quản trị TSTT của Trường ĐHCNTT ban hành theo Quyết định số 58/QĐ-ĐHCNTT-ĐTSDH, KHCN&QHĐN của Hiệu trưởng Trường ĐHCNTT ngày 6 tháng 7 năm 2012.

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, Quy chế sẽ được xem xét, sửa đổi và bổ sung cho phù hợp với thực tiễn quản lý TSTT của Trường hoặc theo sự bổ sung, hoàn thiện của pháp luật có liên quan.

Điều 28. Trách nhiệm thi hành

1. Mọi cá nhân, tổ chức thuộc Trường và các đối tác của Trường phải được biết về các quy định liên quan đến mình trong Quy chế này trước khi ký kết hợp đồng, thỏa thuận, hợp tác với Trường.

2. Tổ Quản trị TSTT có trách nhiệm triển khai phương án tập hợp và ghi nhận lại tất cả các TSTT thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của Trường đã hình thành từ trước ngày Quy chế có hiệu lực.

3. Các tranh chấp về SHTT trong nội bộ cũng được ưu tiên xử lý theo tinh thần thỏa thuận, hòa giải, nếu vẫn chưa giải quyết được sẽ áp dụng theo các trình tự, thủ tục, thủ tục pháp lý có liên quan hiện hành. *ml*

ml
HIỆU TRƯỞNG

P. HIỆU TRƯỞNG



Dinh Đức Anh Vũ